

Những kỳ vọng về mối quan hệ luyến ái: so sánh đối chiếu giữa nam giới dị giới và đồng giới theo tiêu chí của Baxter

Theo Baxter (1986), mọi mối quan hệ đều có những quy tắc phải được tuân theo. Nếu một trong những quy tắc này bị phá bỏ, mỗi cá nhân có quyền chấm dứt mối quan hệ đó. Baxter xác định được tám quy tắc hay tiêu chí theo dạng đó. Mục đích của nghiên cứu này là khảo sát xem liệu có hay không mối liên hệ giữa những kỳ vọng về mối quan hệ luyến ái của những người đàn ông đồng giới và những tiêu chí của Baxter. Dữ liệu thu được thông qua bảng hỏi dành cho 31 người đàn ông đồng giới và 50 người đàn ông dị giới chỉ ra rằng những tiêu chí của Baxter có thể liên quan tới những kỳ vọng của mối quan hệ giữa những người đàn ông bất kể giới tính và tuổi cũng như trải nghiệm là những yếu tố mang tính dự báo chắc chắn hơn là sự xác định giới.

Lý thuyết của Baxter (1986) dựa trên *Lý thuyết về Vai trò* của Schimanoff (1980). Thuyết này cho rằng các mối quan hệ đều có những quy tắc nhất định cần phải được tuân thủ. Các quy tắc này quy định các hành vi bị ép buộc/bị ngăn cấm hay được ưa thích hơn trong những tình huống cụ thể. Nếu một trong những quy tắc này bị phá vỡ, cá nhân có quyền phá bỏ mối quan hệ mà không bị phán xét bởi dư luận xã hội là đã hủy hoại mối quan hệ xã hội đó (Baxter, 1986).

Nghiên cứu của Baxter (1986) được thực hiện trên các sinh viên Mỹ, trong một bài luận giấu tên, họ đã ra viết những lý do tại sao họ đã phá bỏ mối quan hệ luyến ái khác giới đầu tiên trong thời gian gần đây. Kết quả đã chỉ ra 8 quy tắc hay tiêu chí. Những tiêu chí dưới đây là phổ biến nhất (theo thứ tự sắp xếp).

- (a) Sự tự chủ/tự do cá nhân. Cá nhân và những mối quan hệ khác (như bạn bè và gia đình).
- (b) Sự tương hợp. Chia sẻ những thái độ, ý kiến, giá trị và hứng thú (như có cùng thú uống rượu, hay những tham vọng).
- (c) Ủng hộ lẫn nhau. Sự đề cao lòng tự trọng của người khác, khích lệ và thừa nhận người khác (như sự lắng nghe, biểu lộ sự đánh giá cao).
- (d) Lòng chân thành/ cởi mở. Thể hiện sự thành thật, cởi mở và nghiêm túc (như là khả năng nói về những cảm xúc).
- (e) Lòng trung thành và thủy chung. Luôn luôn có thể tin tưởng vào người khác (không phản bội niềm tin hoặc thất hứa).
- (f) Dành thời gian cho nhau. Vui vẻ và sẵn lòng chia sẻ thời gian với nhau, cả trong chuyện riêng và chuyện công (như cùng nhau ra ngoài đi ăn hoặc cùng xem Tivi).

(g) Chia sẻ nguồn vui và sự nỗ lực. Bình đẳng và cân bằng giữa cho và nhận, cả về tài chính lẫn tình cảm (cả hai cùng có trách nhiệm củng cố mối quan hệ tốt đẹp).

(h) Một cảm nhận chung về điều gì đó đặc biệt giữa họ. Như khi một điều gì đó “kỳ diệu” được cảm nhận từ người kia. Một cảm giác yêu thương và được yêu thương (cảm thấy hạnh phúc khi bên nhau).

Một số tiêu chí và sự xác định chúng không có sự phân tách rõ ràng (Baxter, 1986) như khi đề cập tới “sự trung thành và thủy chung”, “chân thật và cởi mở”, và “ ủng hộ lẫn nhau”, “ chia sẻ nguồn vui và sự cố gắng”, và “tự chủ/ tự do cá nhân”. Peplau và Cochran (1981) mô tả về sự cân bằng của sự gắn bó cặp đôi không nhất thiết đối ngược với sự tự chủ cá nhân, mà xem chúng là những phương diện độc lập. Sự khó phân định của các quy tắc này cũng có thể củng cố thêm sự cần thiết của chúng trong những mối quan hệ luyện ái, trong đó nếu thiếu một trong những tiêu chí đó sẽ có thể dẫn tới sự tổn hại người kia.

Tiêu chí của Baxter (1986) có những tương đồng với các nghiên cứu khác so sánh giữa những người đồng giới và dị giới, và những nhu cầu/ ước muốn của họ về mối quan hệ luyện ái (Duffy và Rusbult, 1986; Peplau và Cochran, 1981). Những mối quan hệ luyện ái đồng giới và dị giới có sự tương đồng với nhau, theo Tripp (1981), khi cả hai bên cùng hướng tới một khuynh hướng đáp lại nhau, và thiết lập một sự đồng thuận với nhau. Sự đồng thuận với những thành tố như sự hiểu nhau (sự giống nhau trong hành xử và thái độ) giúp hai bên gần gũi và yêu thương nhau, với một sự đối lập vừa đủ (những khác biệt và khoảng cách), đem lại cho họ sự bổ sung và hấp dẫn giới tính. Tripp mô tả một khoảng cách tối ưu giữa các bên là sự tồn tại không quá nhiều khác biệt cũng như không quá nhiều gần gũi sẽ thúc đẩy sự hấp dẫn giới tính. Những khác biệt về tâm sinh lý giữa nam và nữ tạo nên sự hấp dẫn, từ chỗ con gái và con trai đã có những khác biệt mang tính bổ sung nhau ngay từ khi sinh ra. “Mỗi một giới sẽ trở nên một hệ thống thiếu hụt những năng lực và nhiệm vụ đã được quy định cho giới đối lập” (Tripp, 1981, p.68). Bổ sung thêm cho những mối quan hệ luyện ái đồng giới, Mc Whirter và Mattison (1984) đã mô tả đó như là một kế hoạch có sẵn cho sự thiếu hụt, nổi lên trong giai đoạn đầu của thời kỳ còn lẩn lộn, khi mà các bên bộc lộ những nhận thức của mình về sự thiếu năng lực, như là nấu ăn, từ khi người bạn cặp đôi lại thích thú việc đó.

Hầu hết các mối quan hệ luyện ái có vẻ như cùng chia sẻ những yếu tố phổ biến và một người có lẽ sẽ tìm “một sự khác biệt lớn giữa các cá nhân và các cặp cá thể” (Tripp, 1981, p. 176). Yếu tố sinh học của giới tính có thể có sự ảnh hưởng tới những mối quan hệ luyện ái lớn hơn sự xác định giới tính (Peplau, 1981). Từ quan điểm này có thể cho rằng các tiêu chí của Baxter

(1986) mang tính phổ quát với tất cả những mối quan hệ luyến ái bất kể sự xác định giới tính nào.

Mục đích của nghiên cứu dưới đây là khảo sát xem (a) những kỳ vọng về mối quan hệ luyến ái của những người đàn ông đồng giới có liên quan tới các tiêu chí của Baxter không; (b) những khác biệt giữa các kỳ vọng của người đàn ông đồng giới và dị giới, và cuối cùng là (c) các yếu tố khác bên cạnh sự xác định giới tính, có thể ảnh hưởng tới những kỳ vọng này.

PHƯƠNG PHÁP.

Các nghiệm thể.

Các nghiệm thể gồm 81 người đàn ông, 31 người đồng giới và 50 người dị giới. Tuổi trung bình là 41, 21. Những người hiện đang có mối quan hệ luyến ái gồm có 17 người (55%) trong nhóm đồng giới và 44 người (88%) trong nhóm dị giới. Thời gian trung bình của các mối quan hệ là 146, 84 tháng.

THIẾT KẾ VÀ CHỌN MẪU.

Một khảo sát bước đầu đã được thiết kế để sử dụng nhằm thu thập những thông tin mang tính mô tả qua một bảng hỏi. Bảng hỏi gồm có 40 câu liên quan tới các tiêu chí của Baxter (1986), mỗi một tiêu chí có năm câu liên quan tới ở dưới với thang trả lời từ 0 đến 10 (0= không đồng ý, 10 = đồng ý).

MỨC KẾT QUẢ

Mức kết quả tổng thể là 46,2 % (49 % của đàn ông dị giới và 42,5% của đàn ông đồng giới). Đối với sự thiếu dữ liệu cá nhân của những mẫu đồng giới, không có sự phân tích thỏa đáng nào có thể có. Sự phân tích (trắc nghiệm trên những mẫu độc lập) với những mẫu dị giới đã không chỉ ra những khác biệt cần thiết giữa những người đàn ông đã trả lời và không trả lời về tuổi hoặc nơi công tác.

THẢO LUẬN.

Mức kết quả thấp (46%) tạo nên sự thắc mắc và nghi ngại về tính hiệu lực của những kết quả nghiên cứu. Tuy nhiên theo Babbie (1992) thì một kết quả ở mức 50% là đã đủ để tạo nên tính phổ biến, đó hoàn toàn là một nhu cầu ở mức cao (Shaughnessey và Zechmeister, 1994) so với mức kết quả thu được qua khảo sát bằng thư thường chỉ ở mức khoảng 30%.

Mẫu khách thể nam giới dị giới gồm có một số lượng lớn những người có trình độ học thức cao, hầu hết những người ở một nhóm khách thể trong

ngiên cứu trước đây (Bell và Weinberg, 1978) đã không sẵn lòng tiết lộ tình trạng đồng giới của họ. Có vẻ như họ tin rằng họ sẽ bị mất nhiều thứ hơn là những người đàn ông có trình độ học thức thấp hơn. Những mẫu khách thể đồng giới này đã ẩn danh, để giải quyết sự thiếu bảo đảm này, một văn bản từ RFSL-V đã báo cáo về những bước để giải quyết với bảng hỏi, sự khảo sát có thể gây ra nỗi đau giữa các thành viên lo lắng về sự giữ tính bảo mật về sự xác định giới của họ. Đây cũng chưa hẳn là một nguyên nhân khác của việc mức kết quả thấp. Nhưng mẫu khách thể mang tính đại diện như thế nào? Peplau cho rằng: “không thể có được tính đại diện của mẫu khách thể với những thành viên của một cộng đồng ẩn danh như những người đồng tính. Những người tình nguyện không bao giờ có thể đại diện cho nhóm mà họ thuộc về.” (Peplau, 1981, p. 30).

Kết quả tổng thể đã chỉ ra rằng những tiêu chuẩn của Baxter có thể liên quan tới những kỳ vọng trong mỗi quan hệ luyến ái của những người đàn ông, bất chấp sự xác định giới tính của họ. Những nghiên cứu tương tự (Duffy và Rusbult, 1986; Peplau, 1981; Peplau và Cochran, 1980) đã chỉ ra rằng mọi mối quan hệ luyến ái đều phải chứa những yếu tố nào đó để có thể tiếp diễn, những yếu tố mà theo nhiều cách thức khác nhau, cũng tương tự như các tiêu chí mà Baxter đã chỉ ra (1986). Điều này có vẻ như là một minh chứng có tính thuyết phục cao cho sự phổ biến của những tiêu chí do Baxter đặt ra, mà không phụ thuộc vào việc chúng được định nghĩa như là những tiêu chí, phần thưởng/ sự đầu tư, sự đòi hỏi hay những mong muốn.

Một sự hiển nhiên từ những kết quả này là sự phủ định mạnh về sự liên quan giữa tuổi tác và những kỳ vọng vào “cảm nhận có gì đó đặc biệt cùng nhau”. Một phân tích sâu hơn đã chỉ ra rằng những người đàn ông trẻ hơn quan tâm tới “tình yêu hiện thời” như một điều gì đó vô giá và là phần thiết yếu của mỗi quan hệ luyến ái hơn là những người đàn ông có tuổi hơn. Những người đàn ông trẻ tuổi còn quan tâm tới tầm quan trọng của nhận thức rằng mỗi quan hệ luyến ái nên phải là gì đó đặc biệt, những người bạn tình phải khiến họ cảm thấy độc đặc, hơn là những người đàn ông có tuổi hơn. Sự khác biệt này giữa các độ tuổi đã dẫn tới giả định rằng những người đàn ông trẻ hơn/hoặc ít kinh nghiệm hơn, có cái nhìn lãng mạn hơn về mỗi quan hệ luyến ái, tác động tới những kỳ vọng của họ về sự “tương đồng”. – được thể hiện như là niềm tin rằng tình yêu có thể vượt qua mọi thứ.

Tóm lại, tám tiêu chí do Baxter đưa ra dường như có sự liên quan rất lớn tới những kỳ vọng của các mối quan hệ luyến ái của những người đàn ông – bất kể sự khác biệt cơ bản trong ba tiêu chí giữa những người đàn ông đồng giới và dị giới. Sự khác biệt có vẻ như xuất phát từ những trải nghiệm hoặc tuổi tác, một sự khác biệt tương ứng với sự khác biệt cơ bản giữa người có hoặc không có tham gia vào một mối quan hệ luyến ái. Tuổi tác và sự trải

nghiệm dường như đem lại những dự báo đáng tin cậy về những kỳ vọng của cá nhân hơn là sự xác định giới tính.